

**PHỤ LỤC**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-BVHTTDL ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**Phần I**  
**ĐỊNH MỨC CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH DI TÍCH**

**1. Hướng dẫn chung**

a) Khi lập quy hoạch di tích, không được tính chi phí đối với những khu vực quy hoạch của một hoặc một cụm di tích đã được phê duyệt.

b) Chi phí lập quy hoạch di tích quy định tại Thông tư này chỉ áp dụng cho khu vực lập quy hoạch, không áp dụng cho khu vực nghiên cứu quy hoạch.

**2. Bảng định mức chi phí lập quy hoạch di tích**

Quy mô diện tích (ha)	≤ 5	10	20	30	50	75	100	200	300	500	750	1.000
Định mức chi phí (triệu đồng/ha)	53,33	39,22	32,08	24,96	17,82	14,26	12,48	8,74	6,59	4,46	3,56	3,03

**Ghi chú:**

a) Định mức chi phí trong Bảng định mức chi phí lập quy hoạch di tích để lập quy hoạch di tích cho 01 (một) di tích có tỷ lệ 1/500; nếu sử dụng tỷ lệ 1/2.000 thì nhân hệ số điều chỉnh  $K = 0,7$ . Trường hợp quy mô quy hoạch di tích lớn hơn 1.000 ha thì lập dự toán theo quy định.

b) Định mức chi phí lập quy hoạch di tích trong Bảng định mức chi phí lập quy hoạch di tích dùng cho 01 (một) di tích quốc gia đặc biệt, nếu là một cụm di tích thì nhân hệ số điều chỉnh  $K = 1,2$ .

## Phần II HƯỚNG DẪN LẬP DỰ TOÁN CHI PHÍ

### 1. Tổng hợp dự toán chi phí tư vấn hướng dẫn theo bảng dưới đây:

TT	Khoản mục chi phí	Diễn giải	Giá trị (đ)	Ghi chú
1	Chi phí chuyên gia			Ccg
2	Chi phí quản lý	$(45\%-55\%) \times Ccg$		Cql
3	Chi phí khác			Ck
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	$6\% \times (Ccg+Cql+Ck)$		TN
5	Thuế giá trị gia tăng	$\% \times (Ccg+Cql+Ck+TN)$		VAT
6	Chi phí dự phòng	$10\% \times (Ccg+Cql+Ck+TN+VAT)$		Cdp
	<b>Tổng cộng</b>	$Ccg+Cql+Ck+TN+VAT+Cdp$		Ctv

### 2. Cách xác định các thành phần chi phí:

#### 2.1. Chi phí chuyên gia (Ccg):

##### 2.1.1. Chi phí chuyên gia khi chưa xác định được tổ chức tư vấn:

- Thời gian làm việc của chuyên gia (số lượng tháng/người, ngày/người hoặc giờ/người) được xác định theo nội dung, yêu cầu của công việc tư vấn, tiến độ dự kiến hoàn thành công việc và trình độ chuyên môn dự kiến của chuyên gia.

- Tiền lương chuyên gia: Căn cứ mức tiền lương bình quân của chuyên gia tư vấn trong nước thực hiện do Nhà nước quy định hoặc căn cứ mức tiền lương theo quy định của nhà tài trợ, tổ chức quốc tế. Mức lương của chuyên gia tương ứng với thời gian làm việc của chuyên gia theo tháng hoặc ngày hoặc giờ.

- Chi phí liên quan khác bao gồm: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản trích nộp khác (nếu có).

##### 2.1.2. Chi phí chuyên gia khi đã xác định được tổ chức tư vấn:

- Thời gian làm việc của chuyên gia (số lượng tháng/người, ngày/người hoặc giờ/người) được xác định theo nội dung, yêu cầu của công việc tư vấn, tiến độ dự kiến hoàn thành công việc và trình độ chuyên môn của từng loại chuyên gia cụ thể.

- Tiền lương chuyên gia: Căn cứ mức thu nhập thực tế có tính chất tiền lương của chuyên gia đã được kiểm toán hoặc mức tiền lương xác định theo biên lai thuế thu nhập cá nhân hoặc tiền lương do cơ quan tài chính cấp trên xác nhận hoặc tiền lương trong các hợp đồng tương tự đã thực hiện trong năm gần nhất của các tổ chức tư vấn đó. Mức lương của chuyên gia tương ứng với thời gian làm việc của chuyên gia theo tháng hoặc ngày hoặc giờ.

- Chi phí liên quan khác bao gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản trích nộp khác (nếu có).

2.2. Chi phí quản lý (Cql): Chi phí quản lý là khoản chi phí liên quan đến tiền lương của cán bộ quản lý, tiền công trả cho người lao động theo hợp đồng; các khoản phụ cấp lương; tiền thưởng, phúc lợi tập thể; các khoản đóng góp (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, trích nộp khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân được hưởng lương từ dự án); ứng dụng khoa học công nghệ, quản lý việc áp dụng hệ thống thông tin công trình (BIM); đào tạo nâng cao năng lực cán bộ quản lý dự án; thanh toán các dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng phẩm; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; tổ chức hội nghị có liên quan đến dự án; công tác phí; thuê mướn, sửa chữa, mua sắm tài sản phục vụ quản lý dự án, chi phí khác và chi phí dự phòng. Chi phí quản lý xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) của chi phí chuyên gia.

2.3. Chi phí khác (Ck): Gồm chi phí mua tài liệu, số liệu, bản đồ các loại, văn phòng phẩm, phần mềm lập quy hoạch, thiết kế (nếu có); chi phí khấu hao thiết bị; chi phí đi lại của chuyên gia; chi phí hội nghị, hội thảo và các khoản chi phí khác (nếu có). Trong đó:

- Chi phí mua tài liệu, số liệu, bản đồ các loại, văn phòng phẩm, phần mềm lập quy hoạch, thiết kế (nếu có): Dự kiến trên cơ sở yêu cầu cần thiết để thực hiện công việc tư vấn.

- Chi phí khấu hao thiết bị: Dự kiến trên cơ sở yêu cầu về số lượng thiết bị, thời gian sử dụng thiết bị cần thiết để thực hiện công việc và giá thiết bị phổ biến trên thị trường.

- Chi phí hội nghị, hội thảo: Dự kiến trên cơ sở nhu cầu cần thiết của công việc tư vấn.

- Các khoản chi phí khác xác định trên cơ sở dự kiến nhu cầu thực hiện của từng loại công việc tư vấn./.